Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9506.40.10

Mã HS	9506.40.10
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools) / - Dụng cụ và thiết bị cho môn bóng bàn: / - - Bàn
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 02:02:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/95064010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18787
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18787
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18787
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18061
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17990
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17990
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17990
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17990
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17990
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17990
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18046
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18046
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18046
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18046

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18046
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18046
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18047
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18047
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18047
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18047
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18047
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18047
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18052
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18009
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18004
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18004
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18004
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18004
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18004
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18004
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18052
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18052
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18052
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18052
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18052
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18052
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18116
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18116
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18116
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18116

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18116
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18116
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18090
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18090
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18090
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18090
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18090
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18090
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18083
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18083
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18083
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18083
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18083
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18083
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D18113
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18113
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18113
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18113
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18113
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18113
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D18112
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18112
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18112
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18112
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18112
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18112

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18206
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18206
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18206
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18206
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18206
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18206
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18206
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18077
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18077
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18077
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18077
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18077
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18077
RCEP B	2022	2022	0	B!D18077
RCEP B	2023	2023	0	B!E18077
RCEP B	2024	2024	0	B!F18077
RCEP B	2025	2025	0	B!G18077
RCEP B	2026	2026	0	B!H18077
RCEP B	2027	2027	0	B!I18077
RCEP C	2022	2022	0	C!D18075
RCEP C	2023	2023	0	C!E18075
RCEP C	2024	2024	0	C!F18075
RCEP C	2025	2025	0	C!G18075
RCEP C	2026	2026	0	C!H18075
RCEP C	2027	2027	0	C!I18075
RCEP D	2022	2022	0	D!D18074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18074
RCEP D	2024	2024	0	D!F18074
RCEP D	2025	2025	0	D!G18074
RCEP D	2026	2026	0	D!H18074
RCEP D	2027	2027	0	D!I18074
RCEP E	2022	2022	0	E!D18079
RCEP E	2023	2023	0	E!E18079
RCEP E	2024	2024	0	E!F18079
RCEP E	2025	2025	0	E!G18079
RCEP E	2026	2026	0	E!H18079
RCEP E	2027	2027	0	E!I18079
RCEP F	2022	2022	0	F!D18077
RCEP F	2023	2023	0	F!E18077
RCEP F	2024	2024	0	F!F18077
RCEP F	2025	2025	0	F!G18077
RCEP F	2026	2026	0	F!H18077
RCEP F	2027	2027	0	F!I18077
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16949
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16949
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16949
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16949

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9506.40 có 2 dòng thuế; dòng 9506.40.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bàn.	9506.40.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9506.40.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9506.40.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18787), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.